

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045

Thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045; Quyết định số 136/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ,

Xét đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 03/TTr-SNN-CNTY ngày 06/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045 (viết tắt là Kế hoạch) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương để phát triển chăn nuôi toàn diện, hiệu quả, bền vững gắn với phát triển các chuỗi giá trị; nâng cao giá trị gia tăng; bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm; đối xử nhân đạo với vật nuôi; đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời, đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, thích nghi và ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học - công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh ngành chăn nuôi.

- Đẩy mạnh việc xã hội hóa các hoạt động chăn nuôi, phát triển chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng để mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, tổng đàn heo trên 2,7 triệu con; đàn gia cầm trên 18 triệu con; đàn trâu, bò trên 60.000 con. Năm 2030, tổng đàn heo trên 3,2 triệu con; đàn gia cầm trên 27 triệu con; đàn trâu, bò trên 70.000 con.



- Mức tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2021 – 2025: Trên 15% năm; giai đoạn 2026 – 2030: trên 8 % năm.

- Sản lượng thịt xẻ các loại: Đến năm 2025, đạt 401.025 tấn, trong đó, thịt heo 58% - 60%, thịt gia cầm 35% - 38%, thịt gia súc ăn cỏ 2 - 7%. Đến năm 2030 đạt 618.942 tấn, trong đó, thịt heo 56 - 58%, thịt gia cầm 38 - 40%, thịt gia súc ăn cỏ 1 - 2%.

- Sản lượng trứng: Đến năm 2025, đạt 1.150 triệu quả trứng; đến năm 2030 đạt 1.728 triệu quả trứng.

- Năng lực sản xuất của ngành chăn nuôi: Đến năm 2025, ước đạt 403 kg thịt xẻ các loại và 1.150 quả trứng/người mỗi năm. Đến năm 2030, ước đạt 622 kg thịt xẻ các loại và 1.728 quả trứng/người mỗi năm.

- Tỷ trọng gia súc được giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp: 80% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Tỷ trọng gia cầm được giết mổ tại cơ sở giết mổ, tập trung công nghiệp: 75% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030.

- Tỷ trọng thịt gia súc và gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt: 30 - 35 % vào năm 2025 và 40 - 50 % vào năm 2030.

- Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh: Đến năm 2025, xây dựng ít nhất 07 vùng cấp huyện; đến năm 2030, ít nhất 10 vùng cấp huyện.

- Hoàn thiện ít nhất 02 nhà máy giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm và đưa sản phẩm chế biến xuất khẩu ra thị trường thế giới.

- *Tầm nhìn đến năm 2045:*

+ Trình độ và năng lực sản xuất ngành chăn nuôi của tỉnh thuộc nhóm tiên tiến của các tỉnh khu vực Nam bộ và cả nước.

+ Không chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh lây nhiễm sang người.

+ Hầu hết sản phẩm chăn nuôi chính, bao gồm thịt, trứng sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

+ 100% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm hàng hóa được cung cấp từ các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp và trên 70% khối lượng sản phẩm chăn nuôi chính được qua sơ chế, chế biến công nghiệp, trong đó khoảng 30% được chế biến sâu.

+ Bình Phước trở thành trung tâm chăn nuôi và xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi tiên tiến và hiện đại của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển chăn nuôi, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực sau

- Rà soát, lựa chọn vùng đất phù hợp để phát triển chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm, đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an toàn dịch bệnh, an

toàn sinh học và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Ưu tiên cho thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Chuyển diện tích đất ở những nơi phù hợp và diện tích đất nông nghiệp hiệu quả thấp sang thâm canh trồng cỏ và thức ăn chăn nuôi.

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý giống vật nuôi; hàng năm, giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống vật nuôi trong sản xuất. Hỗ trợ con giống phát triển chăn nuôi đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chính sách áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi và chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y.

- Chính sách đầu tư hạ tầng, hỗ trợ xây dựng chợ đầu mối, giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi thuế đối với hoạt động trong các lĩnh vực của ngành chăn nuôi nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học hoặc cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến gia súc, gia cầm tập trung, phát triển chăn nuôi công nghệ hiện đại, toàn diện, đồng bộ; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan nhằm thu hút, khuyến khích đầu tư hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng khoa học - công nghệ phát triển chăn nuôi hiện đại, theo chuỗi khép kín, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Các Ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho vay đầu tư dự án phát triển giống vật nuôi, cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng công nghiệp, cơ sở sản xuất nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học.

- Ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi, giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp các sản phẩm chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm vật nuôi nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, thị trường...

- Ưu tiên kêu gọi đầu tư các dự án phát triển chăn nuôi theo chuỗi “thức ăn, con giống, giết mổ, chế biến, tiêu thụ”.

- Tổ chức lại hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gắn với các chuỗi liên kết. Thực hiện các chương trình bình ổn, xúc tiến thương mại; ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi có thương hiệu, gắn với các chuỗi liên kết, có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm đấu giá, sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, đấu giá giống vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi.



- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả; chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

- Đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Triển khai có hiệu quả việc xây dựng Bản đồ dịch tễ để kiểm soát các loại dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi; chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Triển khai Chiến lược bảo vệ môi trường bền vững theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

- Kết hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người chăn nuôi triển khai xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, nhất là ở các vùng chăn nuôi hàng hóa trọng điểm, vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ xuất khẩu; kiểm soát và phòng, chống kháng thuốc.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống kiểm dịch động vật, trong đó, chú trọng kiểm dịch biên giới, thiết lập hệ thống nhận dạng và truy xuất nguồn gốc động vật.

- Phát triển công nghệ chuồng trại hiện đại, phù hợp với từng loại vật nuôi và loại hình chăn nuôi, đáp ứng yêu cầu sinh trưởng, phát triển vật nuôi và bảo vệ môi trường.

- Phát triển các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, chế biến chế phẩm nuôi trồng thủy sản... góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

- Xây dựng thành công các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn Quốc tế.

3. Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- Tăng cường đầu tư và xã hội hóa hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong chăn nuôi, thú y theo hướng kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, trong đó, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên, khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học vào lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, nhận dạng, truy xuất động vật, giết mổ, chế biến, phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường chăn nuôi.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

- Nghiên cứu phát triển các mô hình sản xuất tuần hoàn, áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi; đẩy nhanh việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công nghệ hiện đại khác trong quản lý nhà nước và quản trị sản xuất các lĩnh vực của ngành chăn nuôi.

- Tăng cường áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý phát triển chăn nuôi theo hướng hiện đại, tiên tiến.

4. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tăng cường nhập các giống cao sản có năng suất, chất lượng phù hợp với từng địa bàn, phương thức chăn nuôi và nhu cầu thị trường; đồng thời, phát hiện và nhân rộng các giống tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu địa phương.

- Cải tiến, nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng những giống bò hướng thịt (Zebu hóa) trên cơ sở phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng bò đực giống tốt đã qua chọn lọc cho nhân giống ở những nơi chưa có điều kiện triển khai biện pháp thụ tinh nhân tạo.

- Bình tuyển, chọn lọc đàn trâu, bò và đàn dê trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống, thực hiện tốt giải pháp đảo đực giống nhằm tránh tình trạng cận huyết và phát huy ưu thế lai.

- Quản lý giống heo, giống gia cầm có nguồn gốc. Mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo và tiêu chuẩn hoá các cơ sở, chất lượng lợn đực giống. Đực giống sử dụng trong các cơ sở khai thác tinh phục vụ công tác gieo tinh nhân tạo nhất thiết phải được kiểm tra năng suất trước khi khai thác tinh thương phẩm. Hằng năm, tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đối với đàn đực giống hoạt động dịch vụ gieo tinh trực tiếp trên địa bàn nhằm loại thải những đực giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng.

5. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi

- Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng, tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học nhằm sản xuất nhanh các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; mô hình thâm canh trồng cỏ, ngô dày, lúa chín sấp... kết hợp công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp (TMR) để chăn nuôi và vỗ béo các loại gia súc ăn cỏ.



6. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi

- Xây dựng hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hoá, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp, cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công, không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

7. Đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là cấp cơ sở. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Chuẩn hóa các chương trình đào tạo và tăng cường các nguồn lực, phương thức đào tạo theo hướng xã hội hoá phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Chú trọng đào tạo cán bộ nghiên cứu có trình độ chuyên sâu một số lĩnh vực quan trọng như giống, dinh dưỡng, thú y, công nghệ chế biến thức ăn và sản phẩm chăn nuôi... Tạo điều kiện cho các chuyên gia nước ngoài, cán bộ trẻ tham gia hợp tác nghiên cứu và hoạt động giảng dạy trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, chế biến thực phẩm...

- Đẩy mạnh hình thức đào tạo đội ngũ bác sỹ thú y, kỹ sư chăn nuôi thực hành và đào tạo nghề cho người chăn nuôi.

8. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi

- Khuyến khích phát triển và ứng dụng công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học để cung cấp các thiết bị chuồng trại, giết mổ, chế biến, các loại hóa chất, chế phẩm sinh học thay thế nguồn nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

9. Đổi mới tổ chức sản xuất

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã.

- Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Chú trọng củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các hội, hiệp hội ngành hàng chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường, trong đó, hội, hiệp hội phải thực sự là đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, là đầu mối tạo diễn đàn kết nối các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người chăn nuôi trong nước và quốc tế.

10. Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước ngành chăn nuôi, thú y

- Kiện toàn, tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách quản lý ngành chăn nuôi, thú y tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và quy định pháp luật.

- Hoạt động chăn nuôi, thú y là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, dó đó, cơ sở có hoạt động chăn nuôi, thú y phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường, an toàn sinh học và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giám áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và kinh phí được giao, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện hoặc lồng ghép thực hiện trong các chương trình công tác và các đề án, dự án khác của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện.

+ Nguồn ngân sách Nhà nước cấp theo quy định.

+ Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

+ Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động khác.

- Ngân sách Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh, giống vật nuôi; nâng cao năng lực quản lý ngành chăn nuôi, thú y; kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo tồn và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa, quý, hiếm; dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi,



thú y, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện kế hoạch; xây dựng các chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và 5 năm; đề xuất, kiến nghị, trình UBND tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Kêu gọi, hướng dẫn thu hút đầu tư cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; đề xuất những chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã chăn nuôi để thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn kinh phí thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ về chăn nuôi theo các chương trình, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, lồng ghép các chỉ tiêu phát triển chăn nuôi vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hiệu quả các nội dung Kế hoạch.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia; triển khai các giải pháp tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển chăn nuôi theo định hướng của kế hoạch.

5. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm chăn nuôi.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho chăn nuôi và chính sách về đất đai cho tổ chức, cá nhân thuê phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và chỉ đạo triển khai chương trình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người chăn nuôi và chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho những người chăn nuôi không còn khả năng chăn nuôi hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác thuận lợi hơn.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các quy định về chăn nuôi, thú y, các chính sách cũng như quyền của người chăn nuôi để người dân biết chấp hành tốt các quy định về chăn nuôi; quảng bá, giới thiệu các sản phẩm về chăn nuôi trên địa bàn, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh để nhân dân biết.

- Hướng dẫn các đơn vị có liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về chăn nuôi, phục vụ tốt việc truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn.

9. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Bình Phước

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh cho vay để phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, các văn bản thay thế khác (nếu có) và các quy định khác của pháp luật.

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất các chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo chỉ đạo của địa phương (nếu có) để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch.

10. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Lồng ghép thực hiện với các dự án, đề án khác đang và sẽ triển khai trên địa bàn để thực hiện các nội dung của kế hoạch đảm bảo đạt chỉ tiêu phát triển chăn nuôi.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, đồng thời rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung, phát triển các loại vật nuôi lợi thế, có khả năng cạnh tranh; tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ về đất đai, có cơ chế hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kịp thời và hiệu quả. Tuyên truyền, vận động, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào chăn nuôi, giết mổ, chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người chăn nuôi thực hiện tốt quy định không được phép chăn nuôi trong khu vực nội thành, nội thị; nuôi chim yến theo quy định.



11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

- Tích cực phối hợp các ngành chức năng và địa phương cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người chăn nuôi thực hiện tốt quy định không được phép chăn nuôi trong khu vực nội thành, nội thị, khu vực được phép nuôi chim yến theo quy định; từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

- Giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, phản ánh kịp thời những ý kiến của người dân cũng như bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân liên quan đến các hoạt động chăn nuôi.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, giải quyết kịp thời ./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- Cục Chăn nuôi;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, KH&CN, TN&MT, CT, TT&TT, LĐ-TB&XH;
- Ngân hàng Nhà nước - CN Bình Phước;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-110/1). 6

15. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh